TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC I - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2025
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Hùng Tuấn

2. Ông Đào Văn Kiểm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Phú Thọ tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Hoàng Huyền My - Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị G, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Tổ 3E, khu H, phường V, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở hiện nay: Tổ 8 Q, phường A, tỉnh Tuyên Quang

Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Tổ 3E, khu H, phường B (nay là phường V), tỉnh Phú Thọ

(Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị G trình bày:

Chị và anh Lê Văn D có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con, anh D không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Lê Văn D.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn D có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Khánh X, sinh ngày 29/6/2016. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Ngọc Khánh X và không yêu cầu anh D phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Lê Văn D: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 1 đã tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, báo anh D đến Tòa án nhân dân khu vực 1 làm việc, nhưng anh D cố tình không đến Tòa làm việc.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị G được ly hôn với anh Lê Văn D;

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Ngọc Khánh X, sinh ngày 29/6/2016 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Lê Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G do chị G không yêu cầu. Anh Lê Văn D có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị G chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Phạm Thị G và anh Lê Văn D. Bị đơn là anh Lê Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 3E, khu H, phường B (nay là phường V), tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị G xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Phạm Thị G là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lê Văn D, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 1 không tống đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh D. Tòa án nhân dân khu vực 1 đã tiến hành lấy lời khai của bà Trần Thị Y, được bà Trần Thị Y là mẹ đẻ anh D cho biết anh D đi làm ăn xa trong Miền Nam; tuy nhiên, địa chỉ cụ thể thì phía gia đình bà không nắm rõ vì anh D không nói và chỉ liên lạc với gia đình bà qua điện thoại; khi nào gia đình có công việc thì anh D mới về nhà. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho anh D thông qua mẹ đẻ anh D là bà Trần Thị Y nhận thay và bà Y cam kết sẽ có trách nhiệm thông báo hoặc chuyển cho anh D, bà Y đã thông báo cho anh D biết việc chị G xin ly hôn, anh D có biết. Tuy nhiên, anh D đều không đến Tòa án nhân dân khu vực 1 làm việc. Như vậy là anh D cố tình không hợp tác, việc anh D cố tình trốn tránh không đến Tòa có nghĩa là anh D từ chối quyền được trình bày tại tòa và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt

anh Lê Văn D là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G và anh Lê Văn D đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị G và anh D sinh sống xác định anh, chị có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị G và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị G đề nghị ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Phạm Thị G và anh Lê Văn D có 01con chung là cháu Lê Ngọc Khánh X, sinh ngày 29/6/2016. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Ngọc Khánh X. Xét đề nghị của chị G là chính đáng bởi lẽ chị G cũng có việc làm và có thu nhập15.000.000 đồng/ tháng và từ trước đến nay cháu X ở với chị G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu X là con gái vẫn còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của con. Anh D không đến Tòa nên không có quan điểm. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung, cần giao cháu Lê Ngọc Khánh X cho chị Phạm Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Phạm Thị G vì chị G không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Phạm Thị G không đề nghị Toà án giải quyết. Mặt khác, anh Lê Văn D không đến Tòa án làm việc nên không thể hiện được quan điểm của mình về vấn đề này nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Phạm Thị G được ly hôn với anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Khánh X, sinh ngày 29/6/2016 cho chị Phạm Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh Lê Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G do chị G không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra giải quyết.

4 Về án phí: Chị Phạm Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Phạm Thị G đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003939 ngày 21/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND khu vực 1;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Thi Hành án tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường V, TP V;
- Lưu HS,VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Liên